ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 117 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 113/TTr-SKHCN ngày 14 tháng 6 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 336/BC-STP ngày 03 tháng 6 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

1. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến

khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thực hiện quản lý đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo quy định tại Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, đề xuất, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

1. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Công khai kết quả phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; xem xét việc điều chỉnh tên tổ chức đề xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

4. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định khoản 1, 3, 5 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5. Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ và chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

6. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

7. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

8. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

9. Tổ chức, quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc danh mục bí mật nhà nước, có nội dung bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

10. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 7, 8 Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác nhận nội dung trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

1. Xây dựng kế hoạch và lập dự toán thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo theo Điều 7 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định Điều 10 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3. Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

4. Thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

5. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

6. Ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

7. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

8. Sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

9. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

10. Xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

11. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của tổ chức có trụ sở chính đặt trên địa bàn tỉnh theo điểm a khoản 4 Điều 64 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

- Tiếp nhận hồ sơ đánh giá, thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, thực hiện việc đánh giá, cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 và điểm c khoản 4 Điều 64 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

12. Xác nhận nội dung đã trình bày trong thuyết minh của hồ sơ công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 42 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

13. Xác nhận nội dung đã trình bày trong trong thuyết minh của hồ sơ công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá định kỳ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; không được phân cấp tiếp đối với nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, các phòng ch/môn;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.PTT467